TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/KDTM-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Ngọc Hà**

*Các Hội thẩm nhân dân:***1. Ông Nguyễn Văn Đông**

2. Bà Đào Thị Kim Tuyến

Thư ký phiên tòa: **Ông Tạ Ngọc Anh -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát quận Cầu Giấy không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 108/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp Hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số104/2023/QĐXX-KDTM ngày 14 tháng 07 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/KDTM-ST ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Công ty Cổ phần E***

Địa chỉ trụ sở: Lô 15, khu công nghiệp Q, huyện M, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị T - Trưởng phòng pháp chế; Ông Trần Nam P - Chuyên viên phòng pháp chế; Bà Lê Thị Minh N - Chuyên viên phòng pháp chế (Theo giấy ủy quyền số 521/PC-EW ngày 05/8/2022).

Ông P có mặt.

Bị đơn: **Công ty Cổ phần tập đoàn F**

Địa chỉ trụ sở: Số 265 đường C, phường D, quận C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H và ông Nguyễn Minh Đ (Theo giấy ủy quyền số 186/GUQ ngày 22/6/2023).

Ông Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Cổ phần Etrình bày:

Ngày 29/10/2019, Công ty Cổ phần E và Công ty cổ phần tập đoàn F ký Hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống nhôm kính căn Penhouse – Khối căn hộ tại Công trình hỗn hợp Nhà ở, văn phòng và trung tâm thương mại tại địa điểm số 265 C, Phường D, Quận C, Tp Hà Nội với tổng giá trị hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng (từ phụ lục 01 đến phụ lục 08) tạm tính (Bao gồm thuế GTGT) là 4.268.094.204 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty E đã thực hiện đầy đủ toàn bộ các nghĩa vụ cam kết theo Hợp đồng đã ký, tiến hành cung cấp hàng hóa, thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định. Ngày 28/12/2020 Công ty E đã thực hiện việc tập kết vật tư, thiết bị đến chân công trình và được Công ty F nghiệm thu vật tư thiết bị (theo các biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào). Sau đó, Công ty E đã tiến hành thi công lắp đặt và nghiệm thu hoàn thành hạng mục cuối cùng ngày 08/3/2021 (Biên bản nghiệm thu lắp đặt khung nhôm kính trục). Ngày 13/4/2021 Công ty E trình hồ sơ thanh toán lắp đặt và được Công ty F xác nhận vào bảng giá trị đề nghị thanh toán và Bảng tổng hợp giá trị khối lượng hoàn thành.

Ngày 29/4/2021, Công ty E xuất hóa đơn GTGT số 0005874 số tiền 3.073.512.155 đồng (giá trị khối lượng hoàn thành đợt 1 theo Hợp đồng 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW). Vì vậy theo quy định tại Điểm b Điều 9.3 ngày Công ty F phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán là đến hết ngày 04/5/2021.

Công ty E và Công ty F đã thực hiện xác nhận khối lượng hoàn thành và đề nghị thanh toán giá trị lắp đặt với tổng giá trị là 1.774.254.744 đồng cụ

thể:

- Giá trị khối lượng hoàn thành lắp đặt: 3.073.512.155 đồng.

- Giá trị FLC phải thanh toán (85% giá trị hoàn thành lắp đặt): 2.612.485.332 đồng.

- Chiết khấu tiền tạm ứng: 838.230.588 đồng.

Cho đến hiện nay, đã quá thời hạn trên nhưng Công ty F vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty E theo quy định mặc dù Công ty E đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Do đó, Công ty E đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xem xét và tuyên buộc Công ty F phải thanh toán cho Công ty E tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019 tạm tính đến ngày 21/8/2023 là 1.916.195.124 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc còn phải thanh toán: 1.774.254.744 đồng

- Nợ lãi chậm thanh toán theo mức tối đa 08%/tổng số tiền chậm trả tính từ ngày 05/5/2021 đến ngày 21/8/2023 là 141.940.380 đồng.

Công ty F phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, Công ty E không còn yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn công ty cổ phần tập đoàn F do ông Nguyễn Minh Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Công ty F xác nhận ngày 29/10/2019, Công ty E và Công ty F ký Hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống nhôm kính căn Penhouse - Khối căn hộ tại Công trình hỗn hợp Nhà ở, văn phòng và trung tâm thương mại tại địa điểm số 265 C, Phường D, Quận C, Tp Hà Nội với tổng giá trị hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng (từ phụ lục 01 đến phụ lục 08) tạm tính (Bao gồm thuế GTGT) là 4.268.094.204 đồng.

Công ty F xác nhận tính đến ngày 21/8/2023, Công ty F còn nợ Công ty E tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019 là 1.916.195.124 đồng. Trong đó: Nợ gốc còn phải thanh toán: 1.774.254.744 đồng. Nợ lãi chậm thanh toán theo mức tối đa 08%/tổng số tiền chậm trả tính từ ngày 05/5/2021 đến ngày 21/8/2023 là 141.940.380 đồng.

Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Công ty E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tuyên buộc Công ty F phải thanh toán cho Công ty E số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019 là 1.916.195.124 đồng. Trong đó: Nợ gốc còn phải thanh toán: 1.774.254.744 đồng. Nợ lãi chậm thanh toán theo mức tối đa 08%/tổng số tiền chậm trả tính từ ngày 05/5/2021 đến ngày 21/8/2023 là 141.940.380 đồng. Công ty F phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bị đơn: Công ty F đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về cách tính số tiền nợ gốc và nợ lãi. Tuy nhiên đề nghị Tòa án không chấp nhận khoản nợ lãi chậm thanh toán do Công ty F bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid nên không có khả năng kinh tế để thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng thi công tại thời điểm trên.

- Đại diện VKS nhân dân quận Cầu Giấy không tham gia phiên tòa, do vụ án không thuộc trường hợp Tòa án thu thập chứng cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Ngày 29/10/2019, Công ty E và Công ty F ký Hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống nhôm kính căn Penhouse – Khối căn hộ tại Công trình hỗn hợp Nhà ở, văn phòng và trung tâm thương mại tại địa điểm số 265 C, Phường D, Quận C, Tp Hà Nội. Công ty E khởi kiện yêu cầu công F thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu theo hợp đồng. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng thi công được quy định tại Khoản 1 Điều 30 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty F có trụ sở tại số 265 đường C, phường D, quận C, Hà Nội. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]*Về thủ tục tố tụng:*

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/10/2019, Công ty E và Công ty F ký Hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống nhôm kính căn Penhouse – Khối căn hộ tại Công trình hỗn hợp Nhà ở, văn phòng và trung tâm thương mại tại địa điểm số 265 C, Phường D, Quận C, Tp Hà Nội. Hai bên tiến hành xác nhận công nợ vào ngày 29/4/2021, theo đó đến hết ngày 04/5/2021, Công ty F phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho công ty E. Ngày 22/8/2022, Công ty E khởi kiện yêu cầu Công ty F phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Công ty E theo hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019. Căn cứ theo Điều 319 Luật Thương mại 2005, vụ án trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Ngày 29/10/2019, Công ty E và Công ty F ký Hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống nhôm kính căn Penhouse – Khối căn hộ tại Công trình hỗn hợp Nhà ở, văn phòng và trung tâm thương mại tại địa điểm số 265 265 C, Phường D, Quận C, Tp Hà Nội.. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực hiện việc ký kết hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW là ông Trần Thế A, chức vụ Phó tổng giám đốc do tổng giám đốc ủy quyền là người đại diện của Công ty F và ông Vũ Trọng T , chức vụ Phó tổng giám đốc do tổng giám đốc ủy quyền là người đại diện của công ty E. Công ty E và F là 02 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân và đại diện của hai bên ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực để tham gia giao dịch; mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch trên theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 117; Điều 119 Bộ luật dân sự 2015; Điều 24 Luật thương mại 2005 xác định Hợp đồng kinh tế số Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019 là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 29/10/2019, Công ty E và Công ty F ký Hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ nhôm kính căn Penhouse – Khối căn hộ tại Công trình hỗn hợp Nhà ở, văn phòng và trung tâm thương mại tại địa điểm số 265 C, Phường D, Quận C, Tp Hà Nội. Thực hiện Hợp đồng, Công ty E đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và hai bên đã tiến hành xác nhận công nợ với số tiền mà Công ty F phải thanh toán đến hết ngày 04/5/2021 là 1.774.254.744 đồng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh

toán đến nay, Công ty F vẫn chưa thanh toán được số tiền trên cho công ty E.

Như vậy, theo lời khai của nguyên đơn cùng các các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty E đã thực hiện đúng theo điều khoản của hợp đồng, hai bên đã xác nhận công nợ và Công ty F đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015 và hợp đồng Thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty E về việc buộc Công ty F thanh toán nợ gốc là 1.774.254.744 đồng.

- Về lãi suất chậm thanh toán: Về yêu cầu thanh toán lãi suất chậm thanh toán, về thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán và mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu:

Tại phiên tòa, Công ty E yêu cầu Công ty F phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/5/2021 (thời điểm xác nhận giá trị thanh toán) đến ngày 21/8/2023 với lãi suất tối đa là 08%/tổng số tiền chậm trả là 1.774.254.744 đồng x 08% = 141.940.380 đồng.

Xét yêu cầu của bị đơn Công ty F đề nghị Tòa án không chấp nhận khoản tiền nợ lãi chậm trả do tại thời điểm thanh toán trên, công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid nên không có khả năng để trả. HĐXX nhận thấy Công ty F và Công ty E ký kết Hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019. Thực hiện hợp đồng, Công ty E đã hoàn thành xong nghĩa vụ thi công lắp đặt và hai bên đã tiến hành xác nhận công nợ vào ngày 29/4/2021 và Công ty F buộc phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán vào ngày 04/5/2021. Kể từ thời điểm xác nhận công nợ đến phiên tòa hôm nay, Công ty F vẫn chưa thực hiện thanh toán cho Công ty E bất kì khoản nào, bên cạnh đó, Công ty F cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid trong thời gian trên và việc có yêu cầu thanh toán tiền lãi hay không là do sự tự nguyện của nguyên đơn. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn thiếu và tiền lãi chậm thanh toán tính đến thời điểm xét xử. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu trên của công ty F.

Việc Công ty E áp dụng mức lãi suất trên là phù hợp theo thỏa thuận giữa hai bên tại khoản 20.8 Điều 20 của Hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019 và phù hợp theo quy định tại Điều 300, 301 Luật thương mại 2005 nên được chấp nhận.

Như vậy, theo Hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019, Công ty F phải thanh toán cho Công ty E số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2023 với nợ gốc 1.774.254.744 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 141.940.380 đồng. Tổng cộng là 1.916.195.124 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Công ty E yêu cầu Công ty F phải thanh toán cho Công ty E số tiền nợ còn thiếu theo Hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019 tạm tính đến ngày 21/8/2023 với tổng số tiền là 1.916.195.124 đồng được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn – Công ty F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 69.485.853 đồng.

Công ty E được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo : Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

<u>Căn cứ</u>:

- Điều 117, Điều 119, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 24, Điều 50, 300, 301, 319 Luật thương mại 2005;

- Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u>

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần E đối với Công ty cổ phần F về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thi công số 2910/2019/HĐTC/TW/FLC-EW ngày 29/10/2019.

Buộc Công ty cổ phần F phải thanh toán cho công ty cổ phần E tổng số tiền tính đến ngày 21/8/2023 là 1.916.195.124 đồng (Một tỷ chín trăm mười sáu triệu một trăm chín mươi lăm nghìn một trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.774.254.744 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi tư triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng); Nợ lãi chậm thanh toán là 141.940.380 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty cổ phần F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 69.485.853 đồng (Sáu mươi chín triệu bốn trăm tám mươi năm nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Công ty cổ phần E được hoàn lại số tiền 36.972.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0019097 ngày 19/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSNDquận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Hà